

Số: 1762 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ
hiện trạng sử dụng đất năm 2019**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Phương án thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu VT, VP(TH), TCQLĐĐ.

BỘ TRƯỞNG: Bộ Tài

nguyên và Môi

trường

Email: btmt@menv.gov.vn

n

Cơ quan: Bộ Tài

nguyên và Môi

trường

Ngày ký: 14.07.2019

09:17:26 +07:00



Trần Hồng Hà

PHƯƠNG ÁN

Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Mục đích, yêu cầu

- a) Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 nhằm:
- Đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh, các vùng kinh tế - xã hội và cả nước để làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp trong giai đoạn năm 2015 - 2019, đánh giá được sự biến động đất đai so với chu kỳ 5 năm, 10 năm trước và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;
 - Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2021 - 2030 và xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
 - Biên soạn chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101 - Diện tích đất và cơ cấu đất.

b) Việc điều tra thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu kiểm kê phải được thực hiện nghiêm túc. Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất.

2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

2.1. Phạm vi thực hiện:

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được thực hiện trên phạm vi cả nước, ở các cấp hành chính.

2.2. Đối tượng thực hiện:

Đối tượng kiểm kê đất đai năm 2019 gồm: diện tích các loại đất, các loại đối tượng sử dụng, đối tượng được Nhà nước giao để quản lý; tình hình quản lý và sử dụng đất của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp, các dự án xây

dựng nhà ở thương mại, các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của Ủy ban nhân dân xã, phường và thị trấn; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp; diện tích các đảo.

2.3. Đơn vị điều tra:

Đơn vị thực hiện điều tra kiểm kê gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã; các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; các chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại; các tổ chức sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; các ban quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Loại điều tra

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 là cuộc điều tra thống kê trong chương trình điều tra thống kê quốc gia theo quy định của Luật Thống kê, Luật Đất đai và Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

4.1. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

Thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng quản lý đất theo quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT); các chỉ tiêu loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng được Nhà nước giao quản lý đất phải kiểm kê, tổng hợp được quy định tại hệ thống biểu mẫu, Phụ lục số 02, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

4.2. Nội dung kiểm kê đất đai chuyên đề thực hiện theo yêu cầu tại Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Chỉ thị số 15/CT-TTg), bao gồm:

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa gồm: hình thức giao đất, thuê đất sử dụng; diện tích đất đang sử dụng, diện tích chưa sử dụng; diện tích đang sử dụng đúng mục đích; diện tích sử dụng vào mục đích khác; diện tích đang có tranh chấp; diện tích dễ bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); tình hình cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 01 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử

dụng đất; việc tổng hợp kết quả theo Biểu số 01/CT15- Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp gồm: diện tích các loại đất đang sử dụng; diện tích chưa sử dụng; diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền, không thu tiền hoặc được thuê đất; diện tích sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao (như: tự ý chuyển sang sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp hoặc bố trí làm nhà ở cho người lao động); diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích để bị lấn, bị chiếm; diện tích đang có tranh chấp; diện tích dự kiến sẽ bàn giao cho địa phương; diện tích đã đo đạc địa chính; tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 02 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; việc tổng hợp kết quả vào các biểu gồm: Biểu số 2a/CT15 - Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp và Biểu số 2b/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các Ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại (đối với các dự án chưa hoàn thành, chưa bàn giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng) gồm: diện tích theo hình thức giao đất, thuê đất; diện tích đang sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao, được thuê; diện tích chậm tiến độ theo dự án đầu tư được duyệt; diện tích chưa sử dụng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của chủ đầu tư; tình hình sử dụng căn hộ để ở tại dự án; tình hình cấp giấy chứng nhận cho người mua nhà.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 03 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất tại dự án xây dựng nhà ở thương mại; biểu tổng hợp kết quả theo Biểu số 03/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh gồm: diện tích đất được giao, được thuê; diện tích sử dụng đúng mục đích, diện tích sử dụng vào mục khác; diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích đang có tranh chấp; diện tích để bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (đối với công trình công cộng có mục đích kinh doanh); tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 01 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất; việc tổng hợp kết quả vào các biểu, gồm: Biểu số 04/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công

lập; Biểu số 05/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh.

- Tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là quỹ đất công ích xã) gồm: vị trí, diện tích, hình thức để tập trung hay phân tán, tình hình sử dụng quỹ đất công ích xã vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 132 của Luật Đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; tình hình lập hồ sơ quản lý quỹ đất công ích xã; diện tích đất công ích đã sử dụng vào các mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 132 của Luật Đất đai trong 5 năm qua (từ năm 2015 đến 2019).

Thực hiện theo các biểu gồm: Biểu số 06a/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06b/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06c/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường cho người bị thu hồi đất trong 5 năm (từ 2015 - 2019).

- Diện tích đất ngập nước ven biển gồm: diện tích đất ngập nước ven biển không thường xuyên tính từ đường mép nước biển lúc triều cường đến đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm và diện tích đất ngập nước ven biển thường xuyên tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm đến độ sâu 6 mét theo quy định của Luật Đa dạng sinh học để phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá về tình hình sử dụng đất ngập nước và đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý tài nguyên thiên nhiên các vùng đất ngập nước, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước trước áp lực của con người và tự nhiên.

4.3. Một số chỉ tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng:

- Kiểm kê đối với diện tích đất sạt lở, bồi đắp theo các tiêu chí: Diện tích bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm qua theo loại đất; diện tích sạt lở vùng bờ sông; diện tích sạt lở vùng bờ biển.

Thực hiện tổng hợp theo mẫu Biểu số 07/QĐ - Kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019).

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất theo các tiêu chí quản lý: diện tích hoàn thành xây dựng hạ tầng hoặc chưa xây dựng xong hạ tầng; diện tích để chuyển nhượng, cho thuê sản xuất kinh doanh, trong đó: diện tích đã chuyển nhượng, đã cho thuê để sản xuất kinh doanh và diện tích chưa cho thuê; tỷ lệ lấp đầy; tình hình cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng và cho người sử dụng đất sản xuất kinh doanh.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 04 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử

dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; biểu tổng hợp số 08/QĐ - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất các đảo theo các tiêu chí: tổng diện tích; diện tích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp; diện tích đang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp; diện tích chưa sử dụng.

Thực hiện tổng hợp theo mẫu Biểu số 09/QĐ - Tổng hợp diện tích đất các đảo.

5. Phương pháp thực hiện

5.1. Đối với nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

5.2. Đối với các nội dung kiểm kê đất đai theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Quyết định của Bộ trưởng:

a) Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; các dự án xây dựng nhà ở thương mại; các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh: khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp kết hợp điều tra gián tiếp do cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã thực hiện trên cơ sở tổ chức cho người sử dụng đất kê khai, kết hợp kiểm tra thực tế và hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tổng hợp, báo cáo.

b) Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích; diện tích bị sạt lở, bồi đắp

- Đối với diện tích bị sạt lở: sử dụng bản đồ kết quả điều tra kiểm kê năm 2014 kết hợp với các loại bản đồ khác để xác định khoanh vẽ các diện tích bị sạt lở so với thực tế hiện trạng.

- Đối với diện tích bồi đắp: được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện gắn với quá trình kiểm kê các nội dung theo định kỳ tại điểm 5.1 mục này để tổng hợp, báo cáo

- Đối với đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích: Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào các tài liệu cho thuê đất công ích của xã (hợp đồng thuê đất, sổ sách theo dõi việc cho thuê đất) và các loại bản đồ sử dụng cho quản lý đất đai ở địa phương (bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, sơ đồ giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP), kết hợp với bản đồ kiểm kê đất đai để tổng

hợp các thửa đất nông nghiệp công ích của xã; sử dụng phần mềm kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp kết quả kiểm kê đất nông nghiệp công ích của các cấp xã, huyện, tỉnh và cả nước. Địa phương đã thực hiện điều tra, kiểm kê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2018 thì rà soát, cập nhật thay đổi, bổ sung theo yêu cầu tại điểm 4.2 mục 4 của Phương án này để tổng hợp báo cáo.

c) Tổng hợp diện tích đất các đảo: Cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã thực hiện trên cơ sở các tài liệu bản đồ kiểm kê của các xã đảo, các loại bản đồ địa chính, bản đồ địa hình và các loại tài liệu hồ sơ hiện có khác có liên quan đến các đảo để xác định tên, diện tích các đảo, lập biểu tổng hợp.

d) Kiểm kê đất ngập nước ven biển (tính từ đường mép nước biển lúc triều cường đến độ sâu 6 mét): được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp do Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với một số Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện trên cơ sở bản đồ, dữ liệu nền địa lý quốc gia và các kết quả đã thực hiện nghiên cứu hiện có về đa dạng sinh học của các hệ sinh thái ven biển, kết hợp điều tra, khoanh vẽ bổ sung đối với một số khu vực có biến động lớn.

5.3. Việc tính toán, xử lý, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 áp dụng công nghệ thông tin theo phần mềm của Bộ Tài nguyên và Môi trường để bảo đảm độ chính xác và quản lý thống nhất số liệu.

5.4. Đối với các chỉ tiêu kiểm kê chuyên đề tại điểm 4.2 và 4.3 mục 4 của Phương án này, căn cứ bản đồ kiểm kê đất đai năm 2019 cấp xã đã hoàn thành kết hợp với hồ sơ kê khai đã được kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường thể hiện vị trí các loại đất đã kiểm kê chuyên đề lên bản đồ kiểm kê (dạng số).

5.5. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các cấp để bảo đảm chất lượng số liệu kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất phản ánh đúng thực tế sử dụng đất:

a) Tổng cục Quản lý đất đai, các Sở Tài nguyên và Môi trường và các Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát công tác thực hiện và kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 theo quy định tại Điều 22 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT. Việc kiểm tra được tiến hành trong tất cả các công đoạn ở các cấp, các địa phương, nhất là quá trình điều tra khoanh vẽ, tổng hợp số liệu ở cấp xã;

b) Trước khi tiếp nhận kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của các cấp, cơ quan tiếp nhận phải kiểm tra thẩm định về các nội dung theo quy định tại Điều 22 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, trong đó:

- Tổng cục Quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan ở Trung ương: tổ chức kiểm tra bằng nhiều hình thức (cử đoàn kiểm tra trực tiếp tại đơn vị thực hiện, kiểm tra thông qua sử dụng ảnh viễn thám, kiểm tra bằng việc so sánh đối chiếu với các bản đồ, hồ sơ quản lý...); sử dụng các phương tiện công cụ hiện đại để kiểm tra như: các phần mềm tin học, sử dụng ảnh viễn thám để kiểm tra diện tích một số loại đất đặc thù trong việc khoanh vẽ, tổng hợp số liệu của tối thiểu 4 đơn vị cấp xã thuộc 2 đơn vị cấp huyện của một số tỉnh, thành phố.

- Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc khoanh vẽ, tổng hợp số liệu của tối thiểu 4 đơn vị cấp xã thuộc mỗi đơn vị cấp huyện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc khoanh vẽ của 1/3 tổng diện tích của mỗi xã trên địa bàn huyện và việc tổng hợp số liệu của tất cả các xã trong huyện.

6. Thời điểm kiểm kê và thời hạn hoàn thành ở từng cấp

6.1. Thời điểm chốt số liệu để kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6.2. Thời điểm triển khai việc điều tra, thu thập thông tin và thời hạn hoàn thành, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 như sau:

- Cấp xã triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước từ ngày 01 tháng 8 năm 2019, hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16 tháng 01 năm 2020;

- Cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01 tháng 3 năm 2020;

- Cấp tỉnh triển khai thực hiện điều tra kiểm kê đất đai chuyên đề từ ngày 01 tháng 8 năm 2019; hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai của cấp tỉnh trước ngày 16 tháng 4 năm 2020;

- Cả nước và các vùng kinh tế - xã hội hoàn thành trước ngày 16 tháng 6 năm 2020;

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành và gửi kết quả cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 16 tháng 01 năm 2020 để tổng hợp, báo cáo; gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16 tháng 4 năm 2020.

7. Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019

7.1. Đối với nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

- Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất đai định kỳ năm 2019 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT;

- Hồ sơ giao nộp kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 của Ủy ban nhân dân các cấp và Tổng cục Quản lý đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

7.2. Đối với nội dung kiểm kê chuyên đề theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và quyết định của Bộ trưởng:

a) Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã giao nộp:

- Biểu số 06a/CT15 - Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích;

- Biểu số 06b/CT15 - Kiểm kê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn;

- Biểu số 06c/CT15 - Kiểm kê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường cho người bị thu hồi đất trong 5 năm (từ 2015 - 2019);

- Biểu số 07/QĐ: Kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (từ 2015 - 2019).

b) Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nộp: Biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích và Biểu kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (từ 2015 - 2019) của toàn huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (biểu số 06b/CT15; 06c/CT15 và 07/QĐ).

c) Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nộp gồm:

- Tờ kê khai về tình hình quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông lâm nghiệp, các dự án xây dựng nhà ở thương mại, các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh (01 bộ dạng số theo các mẫu số 01, 02, 03 và 04 ban hành kèm theo Phương án này);

- Biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các Ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; biểu kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp và biểu tổng hợp diện tích đất các đảo (01 bộ số và bản giấy theo mẫu ban hành kèm theo Phương án này) của toàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Hồ sơ của cả nước gồm:

- Biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các Ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; biểu kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp và biểu tổng hợp diện tích đất các đảo.

- Biểu tổng hợp tình hình đất ngập nước ven biển.

7.3. Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019

Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của các cấp xã, huyện, ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, còn phải phân tích, đánh giá chi tiết tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích, diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp ở địa phương.

Riêng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của cấp tỉnh và cả nước, ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 27/2019/TT-BTNMT, còn phải phân tích, đánh giá chi tiết tình hình quản lý, sử dụng đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích; đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp và diện tích đất các đảo; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để tăng cường quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các đối tượng này.

8. Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

- Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 do ngân sách nhà nước bảo đảm. Ngân sách trung ương bảo đảm các nhiệm vụ do các Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện; ngân sách địa phương bảo đảm các nhiệm vụ do các cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện theo phân cấp hiện hành.

- Căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối bố trí kinh phí trong năm 2019 từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện kiểm kê đất đai và lập

bản đồ hiện trạng sử dụng đất của địa phương.

9. Kế hoạch tiến hành

9.1. Công tác chuẩn bị thực hiện kiểm kê đất đai ở các cấp gồm các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 20 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT được hoàn thành trong tháng 7 năm 2019, cụ thể như sau:

a) Ở Trung ương

- Trước tháng 7 năm 2019 phải hoàn thành các công việc gồm: xây dựng Đề án, kế hoạch thực hiện; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng; chỉnh sửa, nâng cấp phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai, hạ tầng đường truyền công nghệ thông tin; chỉ đạo lập phương án, dự toán kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

- Tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các địa phương xong trong tháng 7 năm 2019;

- Trước tháng 10 năm 2019 phải hoàn thành việc chuẩn bị và cung cấp bình đồ ảnh viễn thám của 76 đơn vị cấp xã, thuộc 39 huyện của 19 tỉnh, thành phố để phục vụ cho việc kiểm tra kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 ở cấp xã.

b) Ở Địa phương

- Đối với cấp tỉnh và cấp huyện phải hoàn thành các công việc chuẩn bị xong trước tháng 7 năm 2019;

- Đối với cấp xã phải hoàn thành các công việc chuẩn bị xong trước ngày 01 tháng 8 năm 2019.

9.2. Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai theo các nội dung quy định tại khoản 2, Điều 20 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT và mục 3 của Phương án này, cụ thể như sau:

a) Từ ngày 01 ngày 8 năm 2019 đến trước ngày 16 tháng 01 năm 2020

- Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành tập trung tổ chức chỉ đạo, thực hiện và hoàn thành việc kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019 tại xã, phường, thị trấn trên phạm vi cả nước và báo cáo kết quả về cấp huyện trước ngày 16 tháng 01 năm 2020;

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chỉ đạo, thực hiện và hoàn thành việc kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh trước ngày 16 tháng 01 năm 2020.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hoàn thành tổ chức thực hiện kiểm kê chi tiết đối với đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đang quản lý sử dụng; đất do các ban

quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; các dự án xây dựng nhà ở thương mại; các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích xã; đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp và diện tích đất các đảo.

- Tổng cục Môi trường chủ trì tổ chức triển khai thực hiện kiểm kê đất ngập nước ven biển (năm ngoài mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm, tính đến độ sâu 6 m theo quy định của Luật Đa dạng sinh học).

b) Từ ngày 16 tháng 01 năm 2020 đến trước ngày 16 tháng 4 năm 2020

- Ủy nhân dân cấp huyện chỉ đạo hoàn thành việc kiểm tra, thẩm định kết quả của cấp xã; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện và nộp báo cáo lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 01 tháng 3 năm 2020;

- Ủy nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo hoàn thành việc kiểm tra, thẩm định kết quả của cấp huyện; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp tỉnh và nộp báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16 tháng 4 năm 2020.

c) Tổng cục Quản lý đất đai phải hoàn thành việc thẩm định kết quả của cấp tỉnh; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các vùng và cả nước trình Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Tổng cục Môi trường hoàn thành việc tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê đất ngập nước ven biển trình Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16 tháng 6 năm 2020.

d) Tổng kết kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019 hoàn thành trong Quý IV năm 2020.

e) In ấn và phát hành kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019 dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý I năm 2021.

10. Tổ chức thực hiện

10.1. Tổng cục Quản lý đất đai chủ trì, phối hợp với Tổng cục Môi trường tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ; xây dựng, hoàn thiện phần mềm kiểm kê đất đai cung cấp cho các địa phương sử dụng; kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong cả nước thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả theo đúng quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT và Phương án này.

10.2. Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện

kiểm kê đất ngập nước ven biển (nằm ngoài mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm, đến độ sâu 6 m theo quy định của Luật Đa dạng sinh học).

10.3. Cục Viễn thám quốc gia chịu trách nhiệm cung cấp bình đồ ảnh viễn thám phục vụ cho kiểm tra việc khoan vẽ lập bản đồ kiểm kê đất đai và tổng hợp số liệu kiểm kê của một số xã có bình đồ ảnh viễn thám thuộc một số tỉnh, thành phố để kiểm tra.

10.4. Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam chủ trì, phối hợp với Tổng cục Quản lý đất đai kiểm tra, rà soát, cung cấp hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính; diện tích và bản đồ các khu vực còn tranh chấp địa giới hành chính cấp tỉnh tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019.

10.5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh và gửi kết quả cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp; đồng thời tổng hợp kết quả kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh trên phạm vi cả nước gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

10.6. Tổng cục quản lý đất đai chủ trì dự thảo quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trình Lãnh đạo Bộ quyết định.

10.7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai năm 2019 để tổ chức chỉ đạo thực hiện; chỉ đạo lập phương án và dự toán kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019, đồng thời gửi phương án và dự toán đã phê duyệt về Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, phổ biến, quán triệt và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, từng cấp triển khai thực hiện và xem xét phê duyệt kết quả kịp thời; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ kịp thời khó khăn trong quá trình thực hiện để bảo đảm hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đầy đủ nội dung, đúng thời gian, với chất lượng cao nhất gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án, kế hoạch cụ thể; chuẩn bị các loại bản đồ, tài liệu liên quan phục vụ cho kiểm kê đất đai ở địa phương; rà soát, chỉ đạo việc kiểm kê đối với các khu vực có tranh chấp, chưa thống nhất về đường địa giới hành chính các cấp; tuyên truyền cho người dân về chủ trương, kế hoạch kiểm kê; tập huấn, hướng dẫn cho các cấp, các lực lượng tham gia thực hiện kiểm kê đất đai ở địa phương; tổ chức kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện và thẩm định kết quả của các cấp, nhất là cấp xã; đồng thời thực hiện việc kiểm kê chuyên đề đối với đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ

phân hóa đang quản lý sử dụng; đất do các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; diện tích đất ngập nước, đất khu bảo tồn thiên nhiên, đất cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Điều 16 và Điều 35 của Luật Đa dạng sinh học; đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp và diện tích các đảo theo Phương án này.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an căn cứ Phương án hướng dẫn trên đây để xây dựng phương án thực hiện cụ thể của địa phương, đơn vị và tổ chức chỉ đạo thực hiện theo đúng kế hoạch để bảo đảm hoàn thành việc kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019 đúng yêu cầu, quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn thực hiện thống nhất./.